BẢNG THÔNG TIN CÁC LÔ ĐẤT ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHỦ HÀ

(Kèm theo Văn bản số: /SXD-QLQHKT&NƠ ngày /01/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
I.	**LK 01**					
1	LK.01-01	103.92	DO 514006	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
2	LK.01-02	106.26	DO 514005	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
3	LK.01-03	107.87	DO 514004	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
4	LK.01-04	109.49	DO 514003	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
5	LK.01-05	111.08	DO 514002	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
6	LK.01-06	112.55	DO 514001	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
II.	**LK 02**					
1	LK.02-01	148.50	AA 00017935	1/21/2025	Tuyến mương ông cố và A1	Đất nền
2	LK.02-02	90.00	DO 514051	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
3	LK.02-03	90.00	DO 514050	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
4	LK.02-04	90.00	DO 514049	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
5	LK.02-05	90.00	DO 514048	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
6	LK.02-06	90.00	DO 514047	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
7	LK.02-07	90.00	DO 514046	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
8	LK.02-08	90.00	DO 514045	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
9	LK.02-09	90.00	DO 514044	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
10	LK.02-10	90.00	DO 514043	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
11	LK.02-11	90.00	DO 514042	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
12	LK.02-12	90.00	DO 514041	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
13	LK.02-13	90.00	DO 514040	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
14	LK.02-14	90.00	DO 514039	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
15	LK.02-15	90.00	DO 514038	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
16	LK.02-16	90.00	DO 514037	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
17	LK.02-17	90.00	DO 514036	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
18	LK.02-18	90.00	DO 514035	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
19	LK.02-19	90.00	DO 514034	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
20	LK.02-20	90.00	DO 514033	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
21	LK.02-21	90.00	DO 514032	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
22	LK.02-28	90.00	DO 514025	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
23	LK.02-29	90.00	DO 514024	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
24	LK.02-30	90.00	DO 514023	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
25	LK.02-31	90.00	DO 514022	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
26	LK.02-32	90.00	DO 514021	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
27	LK.02-33	90.00	DO 514020	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
28	LK.02-34	90.00	DO 514019	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
29	LK.02-35	90.00	DO 514018	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
30	LK.02-36	90.00	DO 514017	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
31	LK.02-37	90.00	DO 514016	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
32	LK.02-38	90.00	DO 514015	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
33	LK.02-39	90.00	DO 514014	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
34	LK.02-40	90.00	DO 514013	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
35	LK.02-41	90.00	DO 514012	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
36	LK.02-42	90.00	DO 514011	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
37	LK.02-43	90.00	DO 514010	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
38	LK.02-44	90.00	DO 514009	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
39	LK.02-45	90.00	DO 514008	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
40	LK.02-46	88.70	DO 514007	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
41	LK.02-47	101.56	AA 00017936	1/21/2025	Tuyến mương ông cố và A2	Đất nền
III.	**LK 03**					
1	LK.03-01	95.58	AA 00017937	1/21/2025	Tuyến mương ông cố và A5	Đất nền
2	LK.03-02	68.00	DO 514261	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
3	LK.03-03	68.00	DO 514260	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
4	LK.03-04	68.00	DO 514259	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
5	LK.03-05	68.00	DO 514258	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
6	LK.03-06	68.00	DO 514257	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
7	LK.03-07	68.00	DO 514256	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
8	LK.03-08	68.00	DO 514255	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
9	LK.03-09	68.00	DO 514254	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
10	LK.03-10	68.00	DO 514253	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
11	LK.03-11	68.00	DO 514252	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
12	LK.03-12	68.00	DO 514251	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
13	LK.03-13	68.00	DO 514250	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
14	LK.03-14	68.00	DO 514249	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
15	LK.03-23	68.00	DO 514240	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
16	LK.03-24	68.00	DO 514239	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
17	LK.03-25	68.00	DO 514238	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
18	LK.03-26	68.00	DO 514237	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
19	LK.03-27	68.00	DO 514236	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
20	LK.03-28	68.00	DO 514235	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
21	LK.03-29	68.00	DO 514234	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
22	LK.03-30	68.00	DO 514233	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
23	LK.03-31	68.00	DO 514232	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
24	LK.03-32	68.00	DO 514231	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
25	LK.03-33	68.00	DO 514230	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền
26	LK.03-34	68.00	DO 514229	12/31/2024	Đường quy hoạch A7	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
27	LK.03-35	120.11	AA 00017938	1/21/2025	Đường quy hoạch A7 và mương ông cố	Đất nền
IV.	**LK 04**					
1	LK.04-01	67.21	AA 00017939	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
2	LK.04-02	60.09	AA 00017940	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
3	LK.04-03	78.17	AA 00017942	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
4	LK.04-04	68.00	AA 00017941	1/21/2025	Đường quy hoạch A7	Đất nền
5	LK.04-05	70.00	AA 00017945	1/21/2025	Đường quy hoạch A7	Đất nền
6	LK.04-06	68.00	AA 00017944	1/21/2025	Đường quy hoạch A7	Đất nền
7	LK.04-07	68.00	AA 00017943	1/21/2025	Đường quy hoạch A7	Đất nền
V	**LK 07**					
1	LK.07-01	86.22	DO 514279	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
2	LK.07-02	86.47	DO 514278	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
3	LK.07-03	86.71	DO 514277	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
4	LK.07-04	86.96	DO 514276	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
5	LK.07-05	87.21	DO 514275	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
6	LK.07-06	87.46	DO 514274	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
7	LK.07-07	85.63	DO 514273	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
8	LK.07-08	75.24	DO 514272	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
9	LK.07-09	75.24	DO 514271	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
10	LK.07-10	109.77	DO 514270	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
VI.	**LK 08**					

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
1	LK.08-01	92.84	DO 514284	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
2	LK.08-02	79.90	DO 514283	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
3	LK.08-03	79.90	DO 514282	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
4	LK.08-04	79.90	DO 514281	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
5	LK.08-05	79.90	DO 514280	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
VII	**LK 09**					
1	LK.09-01	55.01	DO 514291	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
2	LK.09-02	55.01	DO 514290	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
3	LK.09-03	55.01	DO 514289	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
4	LK.09-04	55.01	DO 514288	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
5	LK.09-05	55.01	DO 514287	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
6	LK.09-06	55.01	DO 514286	12/31/2024	Đường quy hoạch A1	Đất nền
7	LK.09-07	64.06	DO 514285	12/31/2024	Đường quy hoạch A1 và B2	Đất nền
VIII	**TM 01**					
1	TM.01-01	174.18	AA 00017946	1/21/2025	Tuyến mương ông cố và A2	Đất nền
2	TM.01-02	90.00	DO 514088	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
3	TM.01-03	90.00	DO 514087	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
4	TM.01-04	90.00	DO 514086	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
5	TM.01-05	90.00	DO 514085	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
6	TM.01-06	90.00	DO 514084	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
7	TM.01-07	90.00	DO 514083	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
8	TM.01-08	90.00	DO 514082	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
9	TM.01-09	90.00	DO 514081	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
10	TM.01-10	90.00	DO 514080	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
11	TM.01-11	90.00	DO 514079	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
12	TM.01-12	90.00	DO 514078	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
13	TM.01-13	90.00	DO 514077	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
14	TM.01-14	90.00	DO 514076	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
15	TM.01-15	90.00	DO 514075	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
16	TM.01-16	90.00	DO 514074	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
17	TM.01-17	90.00	DO 514073	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
18	TM.01-18	90.00	DO 514072	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
19	TM.01-19	90.00	DO 514071	12/31/2024	Đường quy hoạch A2	Đất nền
IX	**TM 02**					
1	TM.02-02	84.51	DO 514098	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
2	TM.02-03	70.20	DO 514097	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
3	TM.02-04	131.45	DO 514096	12/31/2024	Đường quy hoạch B3	Đất nền
4	TM.02-05	136.29	DO 514089	12/31/2024	Đường quy hoạch B3 và A3	Đất nền
5	TM.02-06	90.00	DO 514090	12/31/2024	Đường quy hoạch A3	Đất nền
6	TM.02-07	90.00	DO 514091	12/31/2024	Đường quy hoạch A3	Đất nền
7	TM.02-08	90.00	DO 514092	12/31/2024	Đường quy hoạch A3	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
8	TM.02-09	90.00	DO 514093	12/31/2024	Đường quy hoạch A3	Đất nền
9	TM.02-10	90.00	DO 514094	12/31/2024	Đường quy hoạch A3	Đất nền
X	**TM 03**					
1	TM.03-19	90.00	DO 514206	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
2	TM.03-20	90.00	DO 514205	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
3	TM.03-21	90.00	DO 514204	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
4	TM.03-22	90.00	DO 514203	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
5	TM.03-23	90.00	DO 514202	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
6	TM.03-24	90.00	AA 00017956	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
7	TM.03-25	90.00	AA 00017957	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
8	TM.03-26	90.00	AA 00017958	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
9	TM.03-27	90.00	AA 00017959	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
10	TM.03-28	90.00	AA 00017960	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
11	TM.03-29	90.00	AA 00017961	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
12	TM.03-30	90.00	AA 00017962	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
13	TM.03-31	90.00	AA 00017963	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
14	TM.03-32	90.00	AA 00017591	1/21/2025	Đường quy hoạch A5	Đất nền
15	TM.03-33	123.22	AA 00017592	1/21/2025	Đường quy hoạch ông cố và A4	Đất nền
XI	**TM 04**					
1	TM.04-02	90.00	DO 514227	12/31/2024	Đường quy hoạch A4	Đất nền

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích lô đất (m2)	GCN số	Ngày cấp sổ	Trục đường tiếp giáp	Loại sản phẩm
2	TM.04-03	90.00	DO 514226	12/31/2024	Đường quy hoạch A4	Đất nền
3	TM.04-04	90.00	DO 514225	12/31/2024	Đường quy hoạch A4	Đất nền
4	TM.04-05	90.00	DO 514224	12/31/2024	Đường quy hoạch A4	Đất nền
5	TM.04-06	121.37	DO 514223	12/31/2024	Đường quy hoạch B3 và A4	Đất nền
6	TM.04-07	115.15	DO 514218	12/31/2024	Đường quy hoạch B3 và A5	Đất nền
7	TM.04-08	90.00	DO 514219	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
8	TM.04-09	90.00	DO 514220	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền
9	TM.04-10	90.00	DO 514221	12/31/2024	Đường quy hoạch A5	Đất nền